TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2017/DS-ST

Ngày: 20 - 7 - 2017

V/v Tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Phạm Xoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2017/QĐST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A.**Trụ sở: Tầng B, tòa nhà C, quận D, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thu Q** - sinh năm 1994. Địa chỉ: đường T, phường H,quận H, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền số 714/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 08/12/2016) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh T** - sinh năm 1964; Địa chỉ: Số B đường 2/9, phường

H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2017, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên ngày 30/07/2014, Ngân hàng TMCP A và ông Huỳnh T có ký hợp đồng tín dụng số 20140807-500003-0002. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 20.000.000đ nhưng thực tế vay 19,950,000 đồng, với lãi suất 60%/năm (lãi suất 5%/tháng) để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 34,695,000 đồng (trong đó số nợ gốc 19,950,000 đồng và số nợ lãi 14,745,000 đồng), trả vào ngày 07 hàng tháng, trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1,446,000 đồng, tháng cuối cùng trả 1,437,000 đồng, bắt đầu từ ngày 07/09/2014. Ông T đã nhận đủ số tiền trên.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 09 lần với số tiền 15.163.000 đồng (trong đó số nợ gốc 7.902.413 đồng và số nợ lãi 7.260.587 đồng). Sau khi tiến hành nộp hồ sơ khởi kiện, Ngân hàng đã tác động ông T, ông T có trả thêm cho Ngân hàng 5.000.000 đồng vào ngày 09/6/2017, số tiền này được Ngân hàng trừ vào số tiền gốc cho khách hàng. Kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2017, ông T không thanh toán nữa dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 20/7/2017, ông T còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 14.532.000 đồng, trong đó nợ gốc là 7.047.587 đồng và nợ lãi là 7.484.413 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông T phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Huỳnh T trình bày: Ông thống nhất với thời gian ký kết hợp đồng và một số nội dung hợp đồng như đại diện Ngân hàng trình bày. Hiện nay Ngân hàng kiện yêu cầu ông trả số tiền 14.532.000 đồng, ông chấp nhận trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Huỳnh T.

[2] Về nội dung: Ngày 30/7/2014, ông Huỳnh T đã ký vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã cho ông T vay số tiền là 19. 950.000 đồng, với lãi suất 60%/năm (5%/tháng) để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 34.695.000 đồng (trong đó số nợ gốc 19.950.000 đồng và số nợ lãi 14.745.000 đồng), trả vào ngày 07 hàng tháng. Trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.446.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.437.000 đồng, bắt đầu từ ngày 07/09/2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả tổng số tiền : 14.532.000 đồng**,** trong đó tiền nợ gốc 7.047.587đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử 20/7/2017 là 7.484.413 đ. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 14.532.000 đồng, trong đó nợ gốc là 7.047.587đ và nợ lãi là 7.484.413đ. Ông T xin trả dần 700.000đ cho đến khi hết nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 09 lần với số tiền 15.163.000 đồng (trong đó số nợ gốc 7.902.413 đồng và số nợ lãi 7.260.587 đồng). Sau khi tiến hành nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án, Ngân hàng đã tác động, ông T có trả thêm cho Ngân hàng 5.000.000 đồng vào ngày 09/6/2017, số tiền này được Ngân hàng trừ vào số tiền gốc. Như vậy, hiện nay ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 14.532.000 đồng, trong đó nợ gốc là 7.047.587đ và nợ lãi là 7.484.413đ (lãi tính đến ngày 20/7/2017). Kể từ ngày 23/02/2016 cho đến nay ông T không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 4 trong Điều khoản và Điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ mà ông đã ký với Ngân hàng ngày 30/7/2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 14.532.000 đồng như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Án phí DS - ST ông T phải chịu theo qui định của pháp luật là : 14.532.000 đồng x 5% = 726.600đ.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp là: 488.300đ theo biên lai thu số 5705 ngày 10/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín" của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông T .

Xử:

1. Buộc ông Huỳnh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 14.532.000 đồng, trong đó đó nợ gốc là 7.047.587đ và nợ lãi là 7,484,413đ (lãi tính đến ngày 20/7/2017)

2. Án phí DS - ST ông Huỳnh T phải chịu: 726.600đ.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng TMCP A đã nộp là: 488.300đ theo biên lai thu số 5705 ngày 10/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi

suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng